

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 06-01-2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hòa
2. Ông Nguyễn Thanh Phiên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXX-HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị DN**, sinh năm 1975;

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn VC**, sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: Ấp TB, xã TM, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Thị DN trình bày:

Chị và anh Nguyễn VC tự nguyện chung sống từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do tính cách hai bên không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hai bên không còn chung sống từ năm 2007 đến nay. Chị và anh VC đã không còn tình cảm với nhau, tình cảm vợ chồng

không còn, cùng thống nhất ly hôn. Do đó, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu.

Về con chung: Có hai con chung:

Nguyễn HS, sinh năm 1993;

Nguyễn Thị NG, sinh năm 2003.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn VC trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị DN về quan hệ hôn nhân nêu trên là đúng. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị DN.

Về con chung: Có hai con chung:

Nguyễn HS, sinh năm 1993;

Nguyễn Thị NG, sinh năm 2003.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Chị DN, anh VC có đơn xin vắng mặt; do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DN: Không công nhận chị DN và anh VC là vợ chồng. Về con chung: Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị DN và anh Nguyễn VC có đơn đề nghị Tòa

án xét xử vắng mặt; do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Võ Thị DN, anh Nguyễn VC tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn; do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị DN và anh Nguyễn VC theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có hai con chung:

Nguyễn HS, sinh năm 1993;

Nguyễn Thị NG, sinh năm 2003.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị DN phải chịu 300.000 đồng.

Anh VC không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị DN.

1.1. Không công nhận chị Võ Thị DN và anh Nguyễn VC là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có hai con chung:

Nguyễn HS, sinh năm 1993;

Nguyễn Thị NG, sinh năm 2003.

Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí HNGĐ-ST:

2.1. Chị Võ Thị DN phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012808 ngày 18-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Nguyễn VC không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HẠ